

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 7 - 2024
V/v ly hôn giữa chị T và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thành

Bà Phạm Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2024, bản tự khai ngày 24/5/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 27 tháng 12 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh D thường uống rượu say về nói năng không chừng mực, vấn đề này đã được chị và gia đình góp ý nhiều lần nhưng anh D không nghe. Năm 2023 chị làm đơn xin ly hôn trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh D hứa sẽ khắc phục những nhược điểm, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, nên chị đã rút yêu cầu khởi kiện tạo điều kiện cho anh D có thời gian sửa chữa, nhưng đến nay anh D vẫn không khắc phục được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 02/02/2013 và Nguyễn Đức D1, sinh ngày 31/3/2016, hiện các con đang ở nhà của vợ chồng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 2 con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng, vì hiện nay chị đang làm nghề kinh doanh tự do bán quần áo may sẵn trên thành phố Nam Định thu nhập hằng tháng từ 15-20 triệu đồng đủ điều kiện nuôi các con. Trường hợp anh D không đồng ý giao 2 con cho chị nuôi, thì chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị có nguyện vọng nuôi cháu D vì cháu là con gái cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn, giao cháu D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị và anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nếu anh D có nguyện vọng nuôi cả 2 con chị cũng đồng ý vì chị không muốn các con phải sống xa nhau, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp anh D có yêu cầu thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 02 triệu đồng/1tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với ông Nguyễn Xuân Th (bố đẻ của anh D) thể hiện: Anh Nguyễn Văn D là con trai của gia đình ông, có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị T người xã Tân Thịnh vào năm 2011 tại UBND xã N, huyện N. Sau khi kết hôn anh D và chị T làm nhà ở, làm việc và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N. Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh năm 2013 và cháu Nguyễn Đức D1, ngày năm 2016 hiện các cháu đang ở nhà của vợ chồng anh D chị T xây trên đất của gia đình ông. Quá trình anh D và chị T chung sống có mâu thuẫn như thế nào ông không biết. Anh D là nghề tự do trên Hà Nội vẫn đi về thăm gia đình. Nay chị T xin ly hôn anh D là chuyện riêng của vợ chồng anh D ông không có ý kiến gì.

Đơn đề nghị ngày 14/5/2024 của cháu Nguyễn Thùy D và cháu Nguyễn Đức D1 trình bày: Khi bố mẹ phải ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội D giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao các con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 02/02/2013 và cháu Nguyễn Đức D1, sinh ngày 31/3/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ, tại phiên tòa lần thứ 2 anh D vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 27/12/2011 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống chị T trình bày thời gian đầu bình thường đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với anh D được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Nguyễn Văn D biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T với anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị T.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh D không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có D1 trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn D của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 02/02/2013 và cháu Nguyễn Đức D1, sinh ngày 31/3/2016, hiện các cháu đang ở cùng anh D, chị T. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của đương sự và con chung, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, chị T có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi các con, cháu D và cháu D1 cũng có ý kiến nên bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Hiện chị T đang làm nghề kinh doanh tự do, có thu nhập ổn định nên chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án thấy ý kiến và nguyện vọng của chị T không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp

luật nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn giao các con chung là cháu Nguyễn Thùy D và cháu Nguyễn Đức D1 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, anh D không có ý kiến gì về việc phân chia tài sản chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao các con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 02/02/2013 và cháu Nguyễn Đức D1, sinh ngày 31/3/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0005044, ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh